

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/01/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Khanh**

2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXX-ST ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1991*

HKTT: Tổ 22, phường T T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: số 085, đường N S, phường C L, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: *Chị Trần Thùy L, sinh năm 1992*

HKTT: Tổ 22, phường T T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 3, K3, trại giam T X, xã X D, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

(Anh S, Chị L đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa nguyên đơn anh Trần Ngọc S trình bày:

Anh và chị Trần Thùy L kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/10/2013 tại UBND phường Hiến N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm, lối sống không phù hợp nhau. Chị L bị bạn bè rủ rê chơi cờ bị thua lỗ nặng, làm ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Cũng từ việc say mê cờ bạc, Chị L từ đó nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đã cố gắng hoà giải nhiều lần nhưng không thành.

Đỉnh điểm mâu thuẫn là ngày 10/7/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai quyết định khởi tố Chị L về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/01/2022 Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử Chị L 20 năm tù giam về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 07/2022/HSST. Chị L hiện đang chấp hành án tại Trại giam T X.

Vợ chồng anh chị đã chấm dứt hoàn toàn quan hệ tình cảm từ tháng 5/2021 đến nay.

Nay, Anh S xác định tình cảm vợ chồng đã hết, Anh S xin được ly hôn với chị Trần Thùy L.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 31/5/2014 và Trần Mai Q, sinh ngày 20/5/2019. Khi ly hôn, Anh S yêu cầu được nuôi trực tiếp 02 con chung, do Chị L đang phải chấp hành án nên không yêu cầu Chị L đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thùy L có đơn xin vắng mặt và có lời khai trình bày:**

Chị và anh Trần Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường N H, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến thì mâu thuẫn nguyên do quan điểm sống không phù hợp nhau. Từ năm 2020, chị làm ăn kinh tế gặp rủi ro dẫn đến làm ăn thua lỗ và vướng vào lao lý, vợ chồng từ đó không tin tưởng nhau, không còn yêu thương và tìm được tiếng nói chung.

Ngày 10/07/2021 chị bị bắt tạm giam, ngày 12/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử tại bản án số 07/2022 USST xét xử chị 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chị hiện đang chấp hành án tại Trại giam T X. Vợ chồng chị cũng đã sống ly thân và chấm dứt hoàn toàn quan hệ tình cảm kể từ khi chị bị bắt tạm giam ngày 10/07/2021 đến nay. Từ ngày chị bị bắt tạm giam Anh S cũng không thăm gặp, không quan tâm gì đến tôi, khi tôi gọi điện muốn gặp con Anh S cũng không muốn cho gặp. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, Anh S yêu cầu ly hôn với hoàn cảnh hiện tại tôi cũng không thể níu kéo được nên cũng chấp nhận ly hôn với Anh S.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 31/05/2014 hiện đang ở với Anh S, cháu Trần Mai Q, sinh ngày 20/05/2019, hiện đang ở với mẹ đẻ của Chị L. Khi ly hôn Anh S yêu cầu được nuôi cả 2 con đề nghị tòa xem xét. Bản thân chị hiện đang chấp hành án nhưng cũng rất muốn để bà ngoại tiếp tục chăm sóc cháu vì cháu còn nhỏ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh S, Chị L đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy cả hai anh chị đều xác định tình cảm

vợ chồng đã hết, anh chị thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 31/5/2014 và Trần Mai Q, sinh ngày 20/5/2019. Khi ly hôn, Anh S yêu cầu được nuôi trực tiếp 02 con chung, do Chị L đang phải chấp hành án nên không yêu cầu Chị L đóng góp phí tổn nuôi con, yêu cầu của Anh S là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Về tài sản và nợ chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xét. Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Trần Ngọc S có đơn xin ly hôn chị Trần Thùy L gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên. Chị L có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 22, phường T T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Anh Trần Ngọc S và chị Trần Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Anh S, Chị L là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Trần Ngọc S và chị Trần Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2013 tại UBND phường H N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, Chị L nợ nần dẫn đến vướng vào lao lý, vợ chồng không còn tin tưởng nhau.

Đỉnh điểm mâu thuẫn là ngày 10/7/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai quyết định khởi tố Chị L về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/01/2022 Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử Chị L 20 năm tù giam về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 07/2022/HSST. Chị L hiện đang chấp hành án tại Trại giam T X. Anh chị cũng sống ly thân và chấm dứt hoàn toàn quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2021 đến nay. Nay, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, Anh S xin ly hôn, Chị L đồng ý.

Như vậy, mâu thuẫn của Anh S, Chị L đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh S xin ly hôn, Chị L đồng ý nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Anh S, Chị L có 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 31/05/2014 và Trần Mai Q, sinh ngày 20/05/2019. Khi ly hôn Anh S yêu cầu được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu Chị L đóng góp phí tổn nuôi con vì Chị L hiện đang chấp hành án, không có điều kiện đóng góp. Chị L có nguyện vọng để mẹ để tiếp tục chăm sóc cháu Quỳnh.

Xét nguyện vọng nuôi con của Anh S thấy: Anh S hiện đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại tổng hợp P H, thu nhập 22.500.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện chăm sóc 02 con chung, cháu Trần Minh T cũng có lời khai muốn được ở với bố, Chị L hiện đang phải chấp hành án phạt tù nên việc

giao 02 con cho Anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Chị L có nguyện vọng để mẹ đẻ chăm sóc cháu Phương là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, HĐXX thấy cần thiết giao 02 con chung cho Anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tồn nuôi con của Chị L cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có bản án, quyết định khác thay thế.

2.3 Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4 Về án phí và quyền kháng cáo: Anh S phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc S và chị Trần Thùy L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 28/10/2013 của Ủy ban nhân dân phường Hiến N, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh S, Chị L có 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 31/05/2014 và Trần Mai Q, sinh ngày 20/05/2019. Khi ly hôn, giao Anh S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị L cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có Bản án, quyết định khác thay thế.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh S đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo biên lai số AA/2020/0065426 nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Anh S, Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Hiến N,
- Lưu HS, VP.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Loan